

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /2022/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

(Dự thảo lần 2)

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết và biện pháp thi hành Nghị quyết của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 32/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 97/2019/QH14 ngày 27 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị tại thành phố Hà Nội

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận, thị xã quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân.

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức làm việc ở Ủy ban nhân dân phường.

5. Người được bầu giữ chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn xử lý kỷ luật) thì được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức phường, công chức từ cấp quận trở lên nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh, vị trí công chức đó theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được ngân sách trung ương khoán, đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm:

- a) Chủ tịch phường;
- b) Phó Chủ tịch phường;
- c) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường;
- d) Các công chức khác: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội.

2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường”

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 18 như sau:

“Điều 18. Số lượng công chức phường

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thuộc quận được xác định như sau:

- a) Phường có từ 30.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức;
- b) Phường có trên 30.000 dân đến 50.000 dân được tính 16 biên chế công chức;
- c) Phường có trên 50.000 dân đến 70.000 dân được tính 17 biên chế công chức;
- d) Phường có trên 70.000 dân đến 90.000 dân được tính 18 biên chế công chức;
- đ) Phường có trên 90.000 dân đến 110.000 dân được tính 19 biên chế công chức;
- e) Phường có trên 110.000 dân được tính 20 biên chế công chức.

2. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thuộc thị xã được xác định như sau:

- a) Phường có từ 10.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức;
- b) Phường có trên 10.000 dân đến 17.000 dân được tính 16 biên chế công chức;
- c) Phường có trên 17.000 dân đến 24.000 dân được tính 17 biên chế công chức;
- d) Phường có trên 24.000 dân đến 31.000 dân được tính 18 biên chế công chức;
- đ) Phường có trên 31.000 dân đến 38.000 dân được tính 19 biên chế công chức;
- e) Phường có trên 38.000 dân được tính 20 biên chế công chức.

3. Dân số để xác định số lượng biên chế công chức phường quy định tại các khoản 1, 2 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại đơn vị hành chính.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại các khoản 1,2 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận, thị xã.

5. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, thị xã quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 19 như sau:

“Điều 19. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường chưa phải là công chức thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định và quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức.

2a. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của công chức cấp huyện.”

6. Bổ sung Điều 22a vào sau Điều 22 như sau:

“Điều 22a. Thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc tại Ủy ban nhân dân phường

Căn cứ quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thị xã được ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký hợp đồng để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ tại Ủy ban nhân dân phường.”

7. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 23 và khoản 1 Điều 23 như sau:

“Điều 23. Nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng trên địa bàn phường

“1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân quận, thị xã chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng tại phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quân sự, quốc phòng;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh;

đ) Thực hiện cáo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quân sự, quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.”

8. Bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 sau khoản 3 Điều 30 như sau:

“Điều 30. Điều khoản chuyển tiếp

4. Thê thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

5. Hội đồng nhân dân quận, thị xã bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

6. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận, thị xã để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.”

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội về tổ chức chính quyền đô thị tại Thành phố Hồ Chí Minh

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức làm việc ở Ủy ban nhân dân phường .

5. Người được bầu giữ chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn xử lý kỷ luật) thì được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức phường, công chức từ cấp quận trở lên nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh, vị trí công chức đó theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:

“Điều 6. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được ngân sách trung ương khoán, đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách Thành phố, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

“Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

- a) Chủ tịch quận;
- b) Phó Chủ tịch quận;
- c) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;
- d) Các cơ quan hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 14 như sau:

“Điều 14. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định. Thể thức và kỹ thuật trình bày quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

c) Nội dung và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 4 Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“ Điều 17. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm:

- a) Chủ tịch phường;
- b) Phó Chủ tịch phường;
- c) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường;
- d) Các công chức khác: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng - Đô thị và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội.

2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 29 như sau:

“Điều 29. Biên chế công chức phường

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định như sau:

- a) Phường có từ 30.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức;
- b) Phường có trên 30.000 dân đến 50.000 dân được tính 16 biên chế công chức;
- c) Phường có trên 50.000 dân đến 70.000 dân được tính 17 biên chế công chức;
- d) Phường có trên 70.000 dân đến 90.000 dân được tính 18 biên chế công chức;
- đ) Phường có trên 90.000 dân đến 110.000 dân được tính 19 biên chế công chức;
- e) Phường có trên 110.000 dân được tính 20 biên chế công chức.

2. Dân số để xác định số lượng biên chế công chức phường quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại đơn vị hành chính.

3. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 30 như sau:

“Điều 30. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc thành phố Hồ Chí Minh và Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh. Chủ tịch quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường trực thuộc.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh và phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức và vị trí chức danh quy định tại Điều 17 Nghị định này.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường chưa phải là công chức thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định và quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức.

2a. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của công chức cấp huyện.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh (trường hợp được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp hoặc ủy quyền) và phường trực thuộc gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện.”

8. Bổ sung Điều 34a như sau:

“Điều 34a. Thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc tại Ủy ban nhân dân phường

Căn cứ quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh được ký hợp đồng hoặc ủy

quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường ký hợp đồng để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ tại Ủy ban nhân dân phường.”

9. Bổ sung Điều 37a vào sau Điều 37 như sau:

“Điều 37a. Cơ chế tài chính đặc thù đối với quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Ủy ban nhân dân quận được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như sau:

a) Đơn vị dự toán ngân sách quận có dự phòng ngân sách như cấp ngân sách.
b) Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện giao, quản lý, điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

c) Phòng Tài chính – Kế hoạch quận thực hiện nhiệm vụ của cơ quan tài chính cùng cấp của quận thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Căn cứ nguồn thu, nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương quy định tại Điều 37, Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước, Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định phân cấp cho thành phố Thủ Đức nhiệm vụ chi nghiên cứu khoa học và công nghệ”.

10. Sửa đổi, bổ sung tên, nội dung Điều 38 như sau:

“Điều 38. Nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng trên địa bàn quận và phường thuộc quận”

“1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng tại quận và phường thuộc quận theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quân sự, quốc phòng ở quận và phường thuộc quận;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thể trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thể trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân

hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh;

đ) Thực hiện cáo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quân sự, quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

“2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao”.

11. Bổ sung Điều 38a vào sau Điều 38 như sau:

“Điều 38a. Nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng trên địa bàn phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng trên địa bàn phường trực thuộc theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quân sự, quốc phòng;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh;

đ) Thực hiện cáo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quân sự, quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giao”.

12. Sửa đổi, bổ sung tên, nội dung Điều 39 như sau:

“Điều 39. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận và phường thuộc quận

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội tại quận, phường thuộc quận theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao.

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật.

c) Giao Ủy ban nhân dân quận, phường chỉ đạo Công an quận, phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn quận, phường; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia trên địa bàn quận, phường.

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam quận, phường và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân quận, phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn quận, phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội ở quận, phường.

2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân và Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giao.”

13. Bổ sung Điều 39a vào sau Điều 39 như sau:

“Điều 39a. Nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường thuộc thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh

1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ về an ninh, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn phường trực thuộc theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội do cấp có thẩm quyền giao;

b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân gắn với nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân vững mạnh, tham gia xây dựng lực lượng công an nhân dân, góp phần tăng cường tiềm lực bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; thực hiện giáo dục quốc phòng và an ninh theo quy định của pháp luật;

c) Giao Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo Công an phường thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội; thực hiện chế độ, chính sách đối với các lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự tại cơ sở; chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia;

d) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, các cơ quan, tổ chức có liên quan ở phường trong việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội;

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân phường chấp hành việc kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật trên địa bàn phường; tiến hành sơ kết, tổng kết việc thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh và trật tự, an toàn xã hội.

2. Ủy ban nhân dân phường đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh giao.”

14. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1, sửa đổi, bổ sung khoản 2, bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 sau khoản 3 Điều 42 như sau:

“ Điều 42. Điều khoản chuyển tiếp

1a. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận được bầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại quận đang công tác.

2. Thời gian giữ chức vụ Chủ tịch quận, phường trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được tính vào thời gian giữ chức vụ Chủ tịch quận, phường quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định này.

4. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

5. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận và văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường thuộc quận ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Hội đồng nhân dân thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường trực thuộc ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành

phố Hồ Chí Minh bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường trực thuộc ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021

6. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận, thành phố thuộc Thành phố Hồ Chí Minh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.”

15. Thay thế cụm từ “Ban thuộc Hội đồng nhân dân” bằng cụm từ “Ban của Hội đồng nhân dân” tại Điều 4.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 119/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về thí điểm tổ chức mô hình chính quyền đô thị và một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển thành phố Đà Nẵng

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 4 như sau:

“Điều 4. Quy định về cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường

1. Biên chế cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường do Ủy ban nhân dân quận quản lý, sử dụng.

2. Cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường có các chức vụ sau đây:

- a) Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy;
- b) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- c) Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- d) Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;
- đ) Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- e) Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

3. Việc bầu cử chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được thực hiện theo quy định của Đảng, điều lệ của các tổ chức chính trị - xã hội và pháp luật có liên quan.

4. Việc sử dụng, quản lý và chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường được áp dụng như công chức làm việc ở Ủy ban nhân dân phường .

5. Người được bầu giữ chức vụ cán bộ thuộc tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường khi thôi đảm nhiệm chức vụ (không trong thời hạn xử lý kỷ luật) thì được xem xét, tiếp nhận vào làm công chức phường, công chức từ cấp quận trở lên nếu đủ điều kiện, tiêu chuẩn của chức danh, vị trí công chức đó theo quy định.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định về người hoạt động không chuyên trách

Căn cứ quỹ phụ cấp, bao gồm cả hỗ trợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế được ngân sách trung ương khoán, đặc điểm tình hình, yêu cầu của thực tiễn và ngân sách thành phố, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng, chức danh và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở phường và ở tổ dân phố.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 như sau:

“Điều 6. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân quận gồm:

- a) Chủ tịch quận;
- b) Phó Chủ tịch quận;
- c) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận;
- d) Các cơ quan hành chính khác và các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân quận.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 13 như sau:

“ Điều 13. Trình tự, thủ tục ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận

1. Hình thức văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân quận là quyết định. Thủ tục và kỹ thuật trình bày quyết định thực hiện theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

3. Thẩm định dự thảo quyết định của Ủy ban nhân dân quận

c) Nội dung và báo cáo thẩm định thực hiện theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 139 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và khoản 43 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 15 như sau:

“ Điều 15. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường

1. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường gồm:

- a) Chủ tịch phường;

- b) Phó Chủ tịch phường;
- c) Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường;
- d) Các công chức khác: Văn phòng - Thống kê; Địa chính - Xây dựng Đô thị và Môi trường; Tài chính - Kế toán; Tư pháp - Hộ tịch; Văn hóa - Xã hội.

2. Công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường là người được tuyển dụng, bổ nhiệm giữ chức danh thuộc cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân phường.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 26 như sau:

“Điều 26. Biên chế công chức phường

1. Số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định như sau:

- a) Phường có từ 30.000 dân trở xuống được tính 15 biên chế công chức;
- b) Phường có trên 30.000 dân đến 50.000 dân được tính 16 biên chế công chức;
- c) Phường có trên 50.000 dân đến 70.000 dân được tính 17 biên chế công chức;
- d) Phường có trên 70.000 dân đến 90.000 dân được tính 18 biên chế công chức;
- đ) Phường có trên 90.000 dân đến 110.000 dân được tính 19 biên chế công chức;
- e) Phường có trên 110.000 dân được tính 20 biên chế công chức.

2. Dân số để xác định số lượng biên chế công chức phường quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định của pháp luật về phân loại đơn vị hành chính.

3. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trình Hội đồng nhân dân cùng cấp phân bổ số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường của từng quận.

4. Căn cứ vào số lượng biên chế công chức phường được Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng phân bổ và yêu cầu, nhiệm vụ của từng phường, Ủy ban nhân dân quận quyết định giao cụ thể số lượng biên chế công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân từng phường trực thuộc.”

7. Sửa đổi tên Điều 27, khoản 1, khoản 2, khoản 3 và bổ sung khoản 2a vào sau khoản 2 Điều 27 như sau:

“Điều 27. Tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường

1. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng thực hiện hoặc phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận. Chủ tịch quận thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường.

2. Việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường thực hiện theo quy định của Luật Cán bộ, công chức và quy định của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

Đối với chức danh Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự phường, việc tuyển dụng, bổ nhiệm thực hiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 23 Luật Dân quân tự vệ và văn bản hướng dẫn thi hành. Quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức đối với trường hợp chưa phải là công chức.

Đối với chức danh Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường, trường hợp nhân sự dự kiến bổ nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch phường chưa phải là công chức thì phải đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm và phải thực hiện đúng trình tự, thủ tục tuyển dụng, bổ nhiệm theo quy định và quyết định bổ nhiệm đồng thời là quyết định tuyển dụng công chức.

2a. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định cụ thể tiêu chuẩn các chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân phường bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn của công chức cấp huyện.

3. Căn cứ vào số lượng, vị trí chức danh công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận, phường và nhu cầu tuyển dụng, Chủ tịch quận xây dựng kế hoạch tuyển dụng công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân quận (trường hợp được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phân cấp hoặc ủy quyền) và phường trực thuộc gửi Sở Nội vụ thống nhất trước khi thực hiện.”

8. Bổ sung Điều 30a như sau:

Điều 30a. Thực hiện chế độ hợp đồng đối với một số loại công việc tại Ủy ban nhân dân phường

Căn cứ quy định của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận được ký hợp đồng hoặc ủy quyền cho Ủy tịch Ủy ban nhân dân phường ký hợp đồng để thực hiện các công việc thừa hành, phục vụ tại Ủy ban nhân dân phường.

9. Sửa đổi, bổ sung tên Điều 31, nội dung Điều 31 như sau:

“Điều 31. Nhiệm vụ về quân sự, quốc phòng”

“1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quyết định và tổ chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về quân sự, quốc phòng tại quận, phường theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ cụ thể sau đây:

- a) Tổ chức thực hiện nhiệm vụ quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật và các nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao về quân sự, quốc phòng ở quận, phường;
- b) Tổ chức thực hiện xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng thực lực, tiềm lực quốc phòng; xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc toàn diện; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân địa phương; thực hiện giáo dục

quốc phòng và an ninh; tuyển chọn và gọi công dân nhập ngũ, tiếp nhận, tạo điều kiện giải quyết việc làm cho quân nhân xuất ngũ; phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân có liên quan trong xây dựng khu vực phòng thủ theo quy định của pháp luật;

c) Tổ chức thực hiện việc xây dựng, huấn luyện, hoạt động, bảo đảm chế độ, chính sách đối với lực lượng dự bị động viên, Dân quân tự vệ tại địa phương theo quy định của pháp luật;

d) Phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự; chính sách hậu phương quân đội; chính sách ưu đãi người có công với cách mạng; chi viện nhân lực, vật lực, tài chính cho lực lượng vũ trang nhân dân hoạt động trên địa bàn địa phương làm nhiệm vụ trong tình trạng khẩn cấp, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, tình trạng chiến tranh;

đ) Thực hiện cáo cáo, thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết; thực hiện khen thưởng và xử lý vi phạm liên quan đến quân sự, quốc phòng theo thẩm quyền.

e) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác về quân sự, quốc phòng theo quy định của pháp luật.

“2. Ủy ban nhân dân quận, Ủy ban nhân dân phường căn cứ vào tình hình nhiệm vụ cụ thể của địa phương tham mưu, đề xuất và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng giao”.

10. Bổ sung Điều 36a vào sau Điều 36 như sau:

“Điều 36a. Cơ chế tài chính đặc thù đối với quận

Ủy ban nhân dân quận được áp dụng cơ chế tài chính đặc thù như sau:

1. Đơn vị dự toán ngân sách quận có dự phòng ngân sách như cấp ngân sách.

2. Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Ủy ban nhân dân quận thực hiện giao, quản lý, điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch quận thực hiện nhiệm vụ của cơ quan tài chính cùng cấp của quận”.

11. Bổ sung khoản 1a vào sau khoản 1, bổ sung khoản 4, khoản 5 và khoản 6 sau khoản 3 Điều 38 như sau:

“Điều 38. Điều khoản chuyển tiếp

1a. Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Chủ tịch, Phó Chủ tịch quận được bầu trước ngày 01 tháng 7 năm 2021 được chuyển thành công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý tại quận đang công tác.

4. Thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính của Ủy ban nhân dân quận và Ủy ban nhân dân phường thực hiện theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ về công tác văn thư.

5. Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân quận và văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021. Chủ tịch Ủy ban

nhân dân quận bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân phường ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2021.

6. Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân phường thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân phường trình Ủy ban nhân dân quận để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Đối với nhiệm vụ theo quy định của pháp luật phải trình Hội đồng nhân dân quận thông qua trước khi trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định thì Ủy ban nhân dân quận trình Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.”

Điều 4. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành

1. Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc và mối quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường với tổ chức Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội ở phường.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các UB của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính